

VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH THỜI LÊ SƠ

Phan Thị Thùy Linh*

Tóm tắt

Văn hóa ứng xử trong gia đình thời Lê sơ (1428-1527) đề cao tôn ti trật tự. Nhưng không chỉ có nghĩa vụ của kẻ dưới với người trên mà còn có chiều ngược lại. Tuy quan hệ trên - dưới có sự hà khắc nhưng vẫn dựa trên các nguyên tắc cơ bản: kính trọng - nhẫn nhịn - công bằng. Điều này cốt yếu là để duy trì một gia đình hòa thuận. Đây là một giá trị tốt đẹp cần lưu giữ.

Từ khóa: văn hóa ứng xử, gia đình, Lê sơ

1. Mở đầu

Theo thời gian, gia đình luôn có những biến đổi để phù hợp với cuộc sống. Nhưng những giá trị đạo đức làm nền tảng cho một gia đình bền vững về cơ bản không thay đổi. Chính vì thế nghiên cứu văn hóa gia đình truyền thống như là một cách “ôn cố tri tân”.

Chúng tôi chọn đề tài Văn hóa ứng xử trong gia đình thời Lê sơ (từ thế kỉ XV (1428) đến XVI (1527)), vì đây là giai đoạn Nho giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất đến nước ta. Mà theo như Vũ Ngọc Khánh: “Dù muốn nhận định theo quan điểm nào, lập trường gì, thì cũng phải thừa nhận rằng, so với bao nhiêu học thuyết Đông Tây, chỉ có Nho giáo là quan tâm đến gia đình đầy đủ nhất, và đã biết tạo cho gia đình một diện mạo phong phú, đẹp đẽ...”. [Vũ Ngọc Khánh 2007: 115].

Có nhiều định nghĩa khác nhau về gia đình nhưng về cơ bản gia đình luôn dựa trên các quan hệ nền tảng sau: quan hệ hôn nhân; quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng. Văn hóa ứng xử gia đình được tạo nên từ ba rường cột: ứng xử giữa vợ-chồng; cha mẹ- con cái và giữa các anh chị em.

Chúng tôi giới hạn nghiên cứu văn hóa ứng xử gia đình thời Lê sơ qua các văn bản pháp luật thời Lê sơ gồm: Hồng Đức

Thiện Chính thư (HĐTC); Quốc triều Hồng Đức niên gian chư cung thể thức (QTHĐNGCCTT); Quốc triều hình luật (QTHL); Thiên Nam dư hạ tập (TNDHT).

2. Vấn đề gia đình trong Nho giáo

Nho giáo coi nhà và nước chỉ khác nhau ở quy mô. “Thiên hạ gốc ở nước, nước gốc ở nhà, nhà gốc ở thân mình”. Do đó, muốn “trị quốc” phải “tu thân” và “tề gia”. Bản thân vua Lê Thánh Tông –vị vua lỗi lạc của triều Lê sơ cũng là một ông vua thông minh, thờ mẹ rất có hiếu, ở với bề tôi đãi lấy lòng thành.” [Trần Trọng Kim 2006: 257]. Các mối quan hệ rường cột mà Nho giáo xây dựng trong ba cương thì có hai cương thuộc phạm vi gia đình; trong năm luân thì gia đình bao gồm ba luân.

Đối với Nho giáo, con người có thể tìm thấy hạnh phúc ngay trong chính gia đình mình chứ không phải viện vào một thể lực siêu nhiên hay một thế giới khác. “Nhà là chỗ đứng cần giữ vững trong quan hệ giữa người với người, trong quan hệ giữa con người mình với đất nước và thiên hạ, đó là một điều rất cơ bản của hệ tư tưởng Khổng giáo. Đau khổ bậc nhất là những con người không có nhà để gắn chặt mình vào, những con người gọi là quan (đàn ông góa vợ hoặc lớn tuổi không có vợ), quả (đàn bà góa chồng hoặc lớn tuổi không có chồng), cô (mồ côi cha mẹ), độc (người già không có con) [Quang Đạm, dẫn theo Vũ

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

Khiêu 1990: 109]. Có thể dẫn chứng một ví dụ vào thời Lê Thái Tôn: “Người ở đất trồng dâu không có ruộng cấy lúa, quân thì cấp cho 5 sào, dân cấp cho 4 sào, làm sản nghiệp thường, miễn thuế nhưng không cấp cho người không vợ và góa chồng. Phan Thiên Tước nói: “Những người không vợ và góa chồng, chính sách của vương giả vẫn chiếu cố, nay ban ơn cho quân dân mà hạng kia không được dự, thế thì họ không phải là dân của vua ư?” Bọn đại tư đồ Lê Sát nói: “Quân dân đem sức phục dịch, đóng góp thuế khóa, còn kẻ không vợ góa chồng kia cho nước được nhờ cái gì? [Đại Việt sử ký toàn thư: 559]. Như vậy, trong xã hội chịu ảnh hưởng của Nho giáo, con người nếu không tạo dựng được gia đình, ít nhiều đã bị xem là vô dụng.

3. Ứng xử vợ - chồng

Theo quan điểm của Nho giáo, con gái lấy chồng là đã thuộc về gia đình nhà chồng. Do đó “vợ cả, vợ lẽ tự tiện bỏ nhà chồng đi thì xử tội đồ làm xuy thất tỳ, đi rồi lấy chồng khác thì xử tội đồ làm thung thất tỳ, người và gia sản phải trở về nhà chồng cũ...” [QTHL: điều 321]. Do đã thuộc về người một nhà nên theo nguyên tắc “thân thân”, nếu chồng hay ông bà cha mẹ nhà chồng có tội cũng không được tố cáo [QTHL: điều 504] và không được kiện ông bà, cha mẹ chồng [QTHL: điều 511].

Trong gia đình, người vợ phải tôn kính chồng: “Ông Thái Công nói: người ngu thì sợ vợ, gái ngoan thì kính chồng, đãi khách phải trọng vọng, trị gia phải cần kiệm...” [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố: lệ về hôn nhân]. Đàn bà, đặc biệt là tỳ thiếp, không được can dự việc chính sự của chồng. Nếu không, phạt cả người chồng: “Các quan đại thần, bách quan có những người thiếp, tỳ vua ban cho mà người thiếp tỳ ấy lại cậy

thế lấn át chồng hay ghen tuông thì xử tội đồ làm tang thất phụ. Nếu lại can dự vào những việc dân quân chính sự thì xử tăng thêm một bậc, người chồng bị xử biếm hay bãi chức [QTHL, điều 331]. Tuy nhiên, không vì vậy mà người chồng là quan có quyền coi thường, khinh rẻ vợ, nhất là vợ cả và cả các con. HĐTC, năm Hồng Đức thứ 9 (1478) quy định chửi con, chửi vợ bị phạt tiền. Đặc biệt, chức càng to phạt càng nặng. Tuy nhiên, không thấy quy định điều này đối với thường dân.

Việc dùng vũ lực cũng là hành vi bị cấm. Điều 481, 483, 484 QTHL có quy định phạt tội vợ đánh chồng, đánh chửi bậc tôn trưởng nhà chồng, đánh em trai, em gái chồng. Tội này quy vào tội bất mục (khoản 8 điều 2 –QTHL thuộc tội thập ác). Trong xã hội phong kiến “phu xướng phụ tùy” mà pháp luật vẫn có những quy định về việc phạt tội vợ đánh chồng, chứng tỏ những quy định hà khắc của Nho giáo chưa đến nỗi thủ tiêu luôn sức phản kháng của người phụ nữ. Ngược lại, chồng cũng không được đánh vợ. Tuy nhiên, chồng đánh vợ bị thương thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương người thường 3 bậc, nếu đánh chết thì xử nhẹ hơn tội đánh chết ba bậc...[QTHL: điều 482]. Như vậy, ở trường hợp này do ảnh hưởng của quan điểm Nho giáo đàn bà kết hôn đã thuộc về chồng, nên các hành vi xâm phạm thân thể, tội của người chồng được xử nhẹ hơn tội của người vợ. Tương tự, vợ giết chồng thì bị xử nặng nhưng chồng giết vợ lại được xử nhẹ. Ví dụ: Điều 416 QTHL quy định: “Những kẻ mưu giết... chồng đều phải tội chém...”, nhưng Điều 482 QTHL lại quy định: “... (Chồng) cố ý giết vợ thì được giảm tội một bậc...”. Tuy nhiên trong HĐTC, năm Hồng Đức thứ 2, chương Hộ hôn, điều 22, điều 36 lại quy định vợ giết chồng, chồng giết vợ đều

sẽ bị xử tội chết.

Ngoài ra, vợ chồng phải có trách nhiệm với nhau ngay cả trong các khoản nợ nần. “Nếu sinh thời hai vợ chồng đều mang công mắc nợ, đến lúc này chủ nợ đòi thì phải lấy phần động sản để trả nợ; nếu không có động sản, hoặc đã trả mà chưa đủ thì số nợ đó chia làm hai phần, phần của người chồng thì lấy phần điền sản đã phân chia cho người chồng để trả, phần nợ của người vợ cũng được giải quyết như thế. Nếu tài sản đã khánh kiệt thì số nợ người chết không được đòi cha mẹ họ tộc của người đã chết. Theo lệ, nợ thì phải trả, nếu chồng chết thì đòi vợ, nếu vợ chết thì đòi chồng chứ không được đòi cha mẹ... [QTHL: điều 375; HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố: lệ về việc vợ chồng không có con nuôi].

Trong nhà, tuy một chồng nhiều vợ nhưng phải luôn đảm bảo được trật tự, nề nếp. Người chồng là chủ, có trách nhiệm điều tiết mối quan hệ giữa các bà vợ với nhau: “Vợ cả, vợ lẽ ghen tuông đánh chửi lẫn nhau thì người chồng bị cạo trọc đầu vì vợ cả vợ lẽ vi phạm tôn ti trật tự là do chồng không biết dạy bảo. Vợ lẽ đánh vợ cả thì phạt tội vợ lẽ, vợ cả đánh vợ lẽ thì phạt tội vợ cả, đánh đến chết thì xử tội cả chồng” [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556), điều lệ bổ sung 13]. Do đó, tuy một chồng nhiều vợ nhưng tôn ty trật tự vẫn đảm bảo. “Làm vợ cả phải có đức hạnh để làm gương... Không được ghen tuông đố kỵ, làm trái đạo vợ chồng, làm cho vợ lẽ không có nơi nương tựa” [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 2, chương Hộ hôn, điều 4]. Ngược lại “phận làm lẽ không được cậy thế chồng yêu mà có ý lăng mạ vợ cả cùng cha mẹ tổ tiên vợ cả. Người chồng không biết dạy bảo sẽ bị xử tội đồ” [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 2, chương Hộ hôn, điều 5]. Địa vị

người vợ lẽ bao giờ cũng phải thấp hơn vợ cả nhưng vẫn được pháp luật bảo vệ. Người chồng luôn phải đối xử công bằng theo địa vị của các bà vợ. Nếu “ai lấy nàng hầu lên làm vợ thì xử tội phạt, vì quá say đắm nàng hầu mà thờ ơ với vợ thì xử tội biếm (phải có vợ thừa thì mới bắt tội) [QTHL: điều 26]. Như vậy, khi quyền lợi bị xâm phạm các bà vợ có quyền thừa kiện.

“Trong một gia đình người chồng thường phải nể người vợ cả, bởi vậy trước mặt bà vợ, nhắc tới các bà vợ thứ cũng như các nàng hầu, không bao giờ các ông chồng dám tỏ ý tôn trọng các bà vợ thứ hơn vợ cả. Từ ngữ thường dùng của ông để gọi các bà vợ thứ là con hai, con ba và các nàng hầu cũng gọi là con nọ con kia gọi theo tên [Toan Ánh 2010: 67]. Phạt tội vợ lẽ bao giờ cũng nặng hơn vợ cả hay phạt người phạm tội với vợ cả bao giờ cũng nặng hơn người phạm tội với vợ lẽ. Ví dụ: “vợ đánh chồng thì xử đi châu ngoài, đánh bị thương, què gậy thì xử đi châu xa, điền sản trả lại cho chồng (chồng cáo quan mới bắt tội). Vợ lẽ mà phạm tội trên thì xử nặng hơn một bậc... Vợ lẽ mà đánh vợ cả thì cũng xử như tội đánh chồng” [QTHL: điều 480]; “khinh nhờn thầy thì phạt 50 quan tiền quý, đánh chửi thì tăng thêm 15 quan và phạt đánh 80 trượng. Phạm các tội kể trên với vợ cả của thầy thì hình phạt giảm 1 nửa, đối với vợ lẽ của thầy thì giảm đi một nửa” [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 25, điều 13]

Vợ phải chung thủy với chồng. “Đàn bà ngoại tình là trái với luân thường đạo lý, Nguyễn Thị thấy chồng nhà nghèo, cha già, chồng bận việc quan sai bảo, nên cố ý ngoại tình, xử giáo, phạt 80 roi, điền sản trả lại cho người chồng [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 7, điều 34]. Luật pháp không chỉ xử tội người đàn bà mà còn xử tội luôn người đàn ông gian dâm với vợ người khác

như sau: “Phản bội chồng trốn cha mẹ mà cải giá thì cha mẹ bị phạt đánh 80 trượng, người đàn bà đó bị sung làm Thung thất phụ. Gian dâm với vợ người thì xử lưu hoặc tử hình. Nếu gian dâm với vợ lẽ thì giảm một bậc. Người quyền quý thì xử theo luật khác. Muốn gian giâm nhưng chưa thành thì đẩy đi châu gần; nếu gian dâm với đàn bà góa thì xử đồ làm chũng điền binh.” [TNDHT, Hồng Đức năm thứ 5 (1474)]. Những điều luật về thông dâm, cưỡng dâm được quy định rất cụ thể trong QTHL, chương Thông gian; HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556) và HĐTC năm Hồng Đức thứ 7. Đây là việc liên quan đến phong hóa nên nếu “vợ bị người khác dụ dỗ mà thông dâm tuy là việc riêng nhưng... nếu chồng thỏa thuận riêng với gian phu sẽ bị đẩy đi châu xa, nếu nhận tiền của gian phu sẽ bị xử phạt tăng thêm một bậc...” [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476), lệnh cấm thỏa thuận riêng với gian phu]. Tuy nhiên ở QTHL, đánh chết gian phu thì cũng bị tội (điều 410). Còn Luật Gia Long, khoản 2 Điều lệ của điều 4, quyền 14, phần “Nhân mạng” thì miễn tội: “Người chồng ở ngay nơi xảy ra sự việc gian dâm, giết chết gian phu liền đó, chiếu luật không cần xử...”. Như vậy, so với thời Gia Long, tội phạm tình dục thời Lê sơ vẫn được đối xử ít hà khắc hơn.

Một điểm tiến bộ ở thời Lê sơ là đòi hỏi ở người chồng sự quan tâm đến người vợ trong đời sống vợ chồng. “Phàm chồng đã bỏ lưng vợ 5 tháng không đi lại (vợ được trình với quan sở tại và xã quan làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì cho hạn một năm. Vì việc quan phải đi xa thì không theo luật này” [QTHL: điều 38]. Sở dĩ nói là tiến bộ vì đàn ông vốn dĩ được lấy nhiều vợ, trong khi chuyện vợ chồng lễ giáo phong kiến không cho phép

đàn bà đòi hỏi thì pháp luật phải nói thay.

4. Ứng xử cha mẹ - con cái

4.1. Giữa bố mẹ với con ruột và con nuôi

Con cái là gia tài của gia đình và được bảo vệ từ trong trứng nước. Vua Lê Thánh Tông ra lệnh cấm phá thai và ít nhất hai lần đã đề cập đến vấn đề này. “Trước đã có lệnh cấm, hễ là đàn bà tàn nhẫn, hoặc muốn ít con cái để giữ lấy của nhiều... thấy mình có thai dùng cách phá đi, thương tổn tính mệnh, tổn hại luân thường, cùng là kẻ nào phá thai cho người khác, đều phải kiểm xét theo luật trị tội... Nay nên nhắc rõ lệnh trước, răn cấm hơn lên, nếu có người đàn bà nào như hạng nói trên, ai cũng biết cả cùng là người chồng không biết răn cấm, đều như luật mà trị tội” [ĐVSKTT: 697] hay “Kẻ nào dùng thuốc dọa thai để phá thai cho người khác hoặc đi tìm thuốc dọa thai đều bị xử tội đồ” [TNDHT, Năm Quang Thuận thứ 8 (1467)]. Cả trong QTHĐNGCCTT cũng có quy định: “Thế thức làm tờ trình về vụ án mạng do bị đánh trụy thai... nếu trụy thai thì con trai hay con gái đã hình thành chưa...”

Đối với con nuôi thì cho phép nhận con thứ trong họ, không được nuôi con trưởng (vì con trưởng còn phải làm nghĩa vụ thờ cúng ở gia đình mình- NV). Nếu nuôi con khác họ thì phải từ 3 tuổi đến 7 tuổi bị bỏ rơi để đưa con nuôi sau này không biết gì, coi như con đẻ, chịu đại tang để báo hiếu... Nếu con trưởng con thứ của nhà cho con nuôi đều chết cả không có người nối dõi, thì người con nuôi phải về báo hiếu với cha mẹ sinh ra mình nhưng phải xin làm con thứ của cha mẹ nuôi để đền đáp công nuôi dưỡng. Nếu không được cha mẹ nuôi cho phép mà tự tiện bỏ về thì bị khép vào tội bất hiếu”. [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 25 (1494), điều 5]. Như vậy con nuôi phải có nghĩa vụ với cha mẹ nuôi

như con đê. Đây là một điều luật rất thấu tình đạt lý, đảm bảo quyền lợi cho cả bố mẹ ruột và bố mẹ nuôi (những người không có con).

Trong gia đình, cha mẹ trước hết phải làm tấm gương cho con cái, “làm cha mẹ cần phải tu thân để tề gia...”. Ngoài trách nhiệm dạy dỗ, cha mẹ cũng phải đảm bảo cuộc sống vật chất cho con. “Người làm cha làm mẹ phải lo cho con cơm ăn áo mặc, không nên vì đũa con buổi sớm dỗi, không ăn mà cha mẹ giận đờ đờ” [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556), điều 35]. Cha mẹ cũng phải đối xử công bằng với các con. Khi con phạm lỗi cha mẹ cũng phải chịu một phần tội vì đã không dạy bảo được con. Tuy nhiên, khi “con cháu vi phạm pháp luật rượt chèn cờ bạc trai gái ham mê chơi gà chó săn, du đãng ngoài đường, lăng mạ ông bà cha mẹ, họ hàng thân thuộc, đó là những đứa phá gia chi tử, cha mẹ phải ngày đêm dạy bảo. Nếu đứa con đó không nghe thì theo lí phải kể hết tội đó vào trong đơn xin từ không nhận làm con, rồi trình nha môn làng xã làm bằng. Nếu sau này đứa con làm điều phạm pháp thì không bị liên lụy đến mình...” [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476), con phạm pháp thì phải từ]

Nghĩa vụ của cha mẹ là dạy bảo và nuôi nấng. Ngược lại, “người làm con phải kính cẩn nuôi dưỡng cha mẹ, không được vì cơ nghèo khó mà dẫn đến bội nghĩa với cha mẹ” [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556), điều 35]. Tội chửi cha mẹ bị phạt rất nặng. Cụ thể “Chửi cha mẹ và chửi ông bà đều xử giảo [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556), điều 10]; con nuôi chửi cha mẹ nuôi thì cũng như con cái chửi cha mẹ đều xử giảo [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình (1549-1556), điều 21]. Rửa mắng cha mẹ cũng được quy vào tội bất

hiếu (thuộc khoản 7, điều 2 QTHL- tội thập ác). Ngoài ra, phỉ báng triều đình thì cũng như con cháu chửi ông bà cha mẹ, đều xử tội giảo [HĐTC, niên hiệu Thiệu Bình, điều 24]. Danh dự triều đình là danh dự của quốc gia, cũng như danh dự của bố mẹ là danh dự của một gia đình. Do đó: “Làm con phải tận trung tận hiếu, vâng lời cha mẹ, không được oán giận, làm điều phạm pháp và cậy thế làm hại người khác, để cha mẹ bị đời chê cười. Nếu ai vi phạm điều lệ này phạt đánh 80 trượng, xử lưu đày [HĐTC, chương hộ hôn, điều 1].

Trong các tội của con cái thì tội giết cha là nặng nhất bị xử tội lăng trì [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố: điều 42]. Đây là một hình phạt rất tàn khốc và là bậc cao nhất trong khung hình phạt tử hình, phạm nhân bị mang ra pháp trường, cắt tay chân rồi xẻo thịt dần cho đến chết. Con cháu mưu giết ông bà, cha mẹ đều bị coi là phạm tội “Ác nghịch” và đều bị phạt tử hình mà không được giảm nhẹ [QTHL: điều 2, 4, 5, 11, 16]. Nhưng nếu ông bà cha mẹ cố ý giết con cháu chỉ phải tội lưu [QTHL: điều 475]. Tương tự, trong điều 288 Luật Gia Long, cha đánh chết con cũng chỉ bị phạt 100 trượng. Điều này thể hiện đúng quan điểm của Nho giáo về địa vị thấp kém hơn của con cháu đối với ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên theo Đào Duy Anh, ngày xưa, con cái là vật sở hữu của cha mẹ, cho nên cha có đánh chết con cũng không bị tội nên “luân lý đối với con cái tuy khắc bạc như vậy song pháp luật và phong tục là có hơi khoan” [Đào Duy Anh 2010: 122].

Ngoài ra, nếu ông bà cha mẹ có tội thì phải che dấu: “con cháu tố cáo ông bà cha mẹ ... đều xử tội lưu đi châu xa, ngoài trừ trường hợp cha mẹ hay ông bà phạm các tội mưu phản, mưu đại nghịch, cha mẹ

nuôi giết con đẻ hay mẹ đẻ-mẹ kế giết cha thì được phép tố cáo [QTHL: điều 39, điều: 504] hoặc “con cháu kiện nhau với ông bà, cha mẹ, ông bà ngoại... đều bị biếm một tư, nếu lý lẽ trái thì xử thêm tội một bậc” [QTHL: điều 511]. Đây cũng là một điểm hạn chế của Nho giáo vì nghĩa vụ của con cái với cha mẹ cũng dựa trên nguyên tắc “thân thân” của Khổng Tử. Giống như xưa, khi nghe kể chuyện một người ngay thẳng tố cáo cha tội ăn trộm, Khổng Tử nói: “Chúng tôi thì không thể. Cha giấu tội cho con. Con giấu tội cho cha, ngay thẳng là ở trong đó” (Luận Ngữ). Con cháu cũng có thể chịu tội roi, tượng thay cho ông bà, cha mẹ [QTHL: điều 38]. Nếu “cha mẹ mắc nợ mà bỏ trốn thì con cái phải trả, con cháu mắc nợ bỏ trốn thì ông bà cha mẹ không phải thay... [HĐTC, năm Quang Thuận thứ 2 (1461), điều 1].

4.2. Giữa bố mẹ với dâu, rể

Theo quan điểm của Nho giáo, khi gả con gái thì người con đó đã thuộc về gia đình nhà chồng. Do đó vai trò, địa vị của người con dâu, nhất là con dâu trưởng rất quan trọng. Con dâu để tang bố mẹ chồng 3 năm như các con khác. Khi con dâu trưởng mất, cha mẹ chồng cũng để tang một năm như với các con ruột khác. Còn con rể là người ngoài nên để tang bố mẹ vợ ba tháng, chỉ trừ con rể trưởng thì để tang 3 năm. Tuy nhiên không vì thế mà con rể có quyền bất kính với cha mẹ vợ. “Người chồng không được vô cớ chửi mắng cha mẹ vợ, nếu ai vi phạm điều lệ này cho phép trình với nha môn để xử cho ly dị” [QTHL : điều 333 ; HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố, lệ về hôn nhân]. Ngoài ra, “con rể trái phép, làm điều bội nghĩa: khép vào tội bất hiếu, phạt 80 trượng, theo luật bắt nộp tiền tạ. Tội đó không thể tha thứ, lại còn có thể mất cả vợ.” [HĐTC, ngày 20

tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476), điều 37]. Như vậy, con rể tuy là người ngoài nhưng đối xử với cha mẹ vợ cũng phải có hiếu. Nếu đã không tôn kính cha mẹ vợ thì hình phạt là mất vợ.

Đối với con dâu cũng vậy, phải hiền thảo với gia đình chồng: “Nàng dâu nanh nọc chua ngoa, khinh nhờn cha mẹ, lăng mạ anh em thì phải phạt đánh 50 roi và phạt tiền tạ [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476), điều 36]. Con dâu đánh và mưu giết ông bà cha mẹ chồng thì bị quy vào tội ác nghịch (thập ác). Con dâu được xem là người một nhà trong gia đình chồng nên cũng không được tố cáo ông bà cha mẹ chồng [QTHL: điều 504]. Trong khi không thấy quy định hai điều trên với con rể.

Về phân bố mẹ vợ “đã gả con gái rồi, sau vì thấy người chồng nghèo khổ lại bắt con gái về thì xử phạt 60 trượng, biếm hai tư, con gái phải bắt trở về nhà chồng. [QTHL điều 333] hay “Nguyễn Mỗ lòng dạ tráo trở, gả con gái để lấy tiền, bèn bỏ rể cũ. Rể mới bị phạt tội đồ, phải khai làng. Con gái bị phạt đánh 60 roi. Người nào biết là vi phạm luật mà vẫn lấy thì bị xử tội đồ, con gái thì bắt quay về với chồng trước...” [HĐTC, đuổi con rể gả con gái cho người khác, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố, điều 24]; “con gái trái đạo làm hồng lương duyên, con rể trái phép, bất nghĩa với cha mẹ vợ, điều đó phép nước đã rõ ràng, lưu truyền hậu thế. Nguyễn Mỗ càn rỡ làm nhiều điều ác, từ dâu đuổi rể, xử tội lưu. Lén lút gả chồng lấy vợ khác cho con, xử đánh 80 trượng..., phép nước không tha những kẻ làm trái bổn phận” [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố, điều 22].

5. Ứng xử giữa anh chị em và với những người trong họ

Nguyên tắc cao nhất trong đối xử giữa anh chị em với nhau là kính trên nhường dưới. “Kẻ nào không kính nhường anh em thì mất phần gia tài được phân, theo luật mà thi hành” [HĐTC, ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476) ban bố]. Trong mối quan hệ đó, người con trưởng là người có quyền uy lớn nhất. Khi cha mẹ mất thì anh trưởng đứng ra lo cho các em, chẳng hạn cưới xin phải đưa lễ đến nhà anh trưởng. [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 7, lệ về hôn nhân; QTHL: điều 314]. Tuy nhiên, người anh trưởng cũng không được cậy thế cậy quyền: “Cha mẹ lập chúc thư chia ruộng đất không đều tất cả anh em đồng ý chia lại nhưng con trưởng tham lam không chịu chia để cho con nào bị thiệt thòi phát đơn kiện thì con trưởng bị tội...[HĐTC, năm Quang Thuận thứ 2 (1461), điều 2]. hay “Gia trưởng tự tiện chiếm hoa quả trong ruộng vườn. ... y cậy là gia trưởng đoạt hết phần tài sản của các em không chịu chia đều, theo luật xử đánh 80 trượng” [HĐTC, điều 66]. Khi cha mẹ mất, người con trưởng sẽ thay mặt cha mẹ để chăm lo cho các em. “Cha mẹ mất sớm sinh lễ phải đưa đến nhà trưởng nam. Trái với điều này bị phạt 80 đánh 80 gậy, xử tội đồ” [QTHĐNGCCTT, về việc hộ hôn]. Nói chung, trong gia đình Lê sơ rất coi trọng sự hòa thuận và người anh trưởng có trách nhiệm bảo vệ sự hòa thuận đó: “Làm con em nên yêu mến anh em, hoà thuận với hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử, nếu trái phép thì người tôn trưởng đánh đòn dạy bảo, có tội to thì phải đem nộp quan để trừng trị” [24 huấn điều: điều thứ 4].

Gia đình mở rộng ra thành gia tộc. “Người trong họ chia làm 4 bậc, chi họ cùng tông miếu ông là anh em cùng cha, chi họ cùng chung miếu cụ là anh em thúc bá, chi họ cùng miếu kỵ là anh em họ xa,

chi họ cùng chung miếu cụ kỵ là anh em họ rất xa (tam tông huynh đệ) đến thế hệ sau nữa là tứ tông huynh đệ thì không còn họ hàng thân thuộc nữa, cho nên nói sau 5 đời thì hết tình. Nếu không cùng chung miếu thờ thì không phải người trong họ [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 7, lệ về con nuôi]. Trong đó tộc trưởng là người đứng đầu một họ. Một họ có nhiều chi họ, mỗi chi họ có thể có nhiều phân chi. Những người trong họ phải kính trọng tộc trưởng. “Cốt nhục người thân thích đều sinh ra từ một gốc, có sự phân biệt tôn ti trên dưới với đạo tam cương. Nay mỗi ngành nhiên hành hung chửi bới tôn trưởng có những hành vi thất lễ thật là tổn thương đến phong hóa. Với những hành vi nghịch lý như vậy thì phải chiếu theo luật pháp để trừng trị” [QTHĐNGCCTT, về việc hộ hôn].

“Người trong họ là cốt nhục cho nên phải yêu thương đùm bọc nhau. Các khoản mắc nợ tuy có ước hạn nhưng nếu chủ nợ là người trong họ thì hạn là 30 năm, người ngoài hạn 20 năm quá hạn mà không truy đòi thì mất món nợ đó.” [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 25, điều 13]. Tương tự, việc chuộc ruộng hương hỏa cũng vậy, nếu bán cho người trong họ thì cũng dễ chuộc hơn so với người ngoài. Khi cha mẹ mất, người trong họ có nghĩa vụ cư mang những đứa con của người đã mất. “Ông bà cha mẹ chết sớm mà người trong họ bán điền sản của con cháu không có lý do chính đáng thì bị xử phạt 60 trượng....; nếu có nợ cũ thì cho người trưởng họ đứng ra đảm bảo để bán mà trả nợ [QTHL: điều 379]. Người trong họ cũng có quyền can dự vào những việc của gia đình. Ví dụ “vợ cải giá muốn bán ruộng đất của con nhỏ... phải có lý do trình bày với họ hàng bằng lòng cho bán...” [QTHL: điều 377]. Gia đình cũng gắn với làng xã. Do đó, “ngoài làng xóm, trong họ

hàng, người nào gặp hoạn nạn thì nên chu cấp thương xót lẫn nhau. [24 huấn điều: điều thứ 5]. Chẳng hạn, nếu cha mẹ, anh em chú bác cô dậu đều mất, thì chú rể phải đem lễ vắn danh đến nhà trưởng làng để đón dâu. [HĐTC, năm Hồng Đức thứ 7, lệ về hôn nhân; QTHL: điều 314].

6. Kết luận

Trong gia đình Lê sơ đề cao trật tự trên dưới. Tuy nhiên không chỉ đòi hỏi nghĩa vụ của kẻ dưới với người trên mà còn có nghĩa vụ ngược lại. Con cái phải hiếu thảo với ông bà cha mẹ, ông bà cha mẹ phải làm gương cho con cái, con làm bậy cha mẹ cũng phải chịu tội. Vợ phải chung thủy chồng nhưng chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc và công bằng với các bà vợ. Anh trưởng có quyền dạy em nhưng phải bảo bọc các em... Nho giáo chủ trương xây dựng một gia đình “Cha ra cha, con ra con,

anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ”. Gia đình Lê sơ cũng vậy nhưng phải dựa trên nguyên tắc KÍNH TRỌNG – NHÃN NHỊN – CÔNG BẰNG. Cốt yếu của điều này là tạo nên một gia đình HÒA THUẬN.

Trong xã hội hiện đại, gia đình phải có những sự thay đổi để thích ứng. Chúng ta không thể áp đặt những giá trị đã lỗi thời nhưng không vì thế mà xóa hết những giá trị của gia đình truyền thống. Gia đình Lê sơ, dù có đôi chỗ hà khắc trong quan hệ trên –dưới nhưng cốt vẫn là giữ gia đình hòa thuận, trong ấm ngoài êm. Đối với xã hội hiện đại vì cái tôi của mỗi thành viên rất lớn nên những bài học về sự nhẫn nhịn vợ- chồng; nhường nhịn anh-em là rất cần thiết. Trong gia đình, đầu bình đẳng vẫn phải có người làm chủ. Làm chủ trên nguyên tắc công bằng và tôn trọng nhau□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh (2010), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa thông tin.
- [2] Lê Thị Sơn (2004), *Quốc triều hình luật: lịch sử hình thành, nội dung và giá trị*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [3] Ngô Sĩ Liên (2009), *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb Văn hóa thông tin.
- [4] Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên) (2007), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam từ thế kỉ XV đến XVII*, tập 1 &2, Nxb Khoa học xã hội.
- [5] Nguyễn Quyết Thắng (2002), *Lược khảo Hoàng Việt luật lệ (Tìm hiểu Luật Gia Long)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [6] Toan Ánh (2010), *Nếp cũ*, Nxb Trẻ.
- [7] Trần Trọng Kim (2008), *Nho giáo*, Nxb Văn hóa thông tin.
- [8] Vũ Khiêu (1995), *Nho giáo và gia đình*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [9] Vũ Ngọc Khánh (2007), *Văn hóa gia đình Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.

Abstract

Family's behavioural culture in The later Le dynasty early period

The later Le dynasty early period (1428 to 1527) give prominence to hierarchy in the family. However, it includes not only the obligation of junior to senior members but also in reverse. Although relation between seniors and juniors is harsh, it bases on basic principles: respect - patience - justice, with the aim to ultimately build a harmonious family. This is a good value to maintain.

Key words: behavioural culture, family, the later Le dynasty early period (1428 to 1527)